

## THÔNG BÁO LƯỜNG

### Định kỳ tuyến đường thủy nội địa quốc gia kênh Vĩnh Tế - năm 2019

Căn cứ Thông tư số 19/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016 của Bộ GTVT qui định về khảo sát phục vụ quản lý và thông báo luồng đường thủy nội địa;

Căn cứ văn bản số 752/BCL-ĐTNDPN ngày 30/6/2020 của Chi cục Đường thủy nội địa phía Nam về việc Báo cáo luồng định kỳ đường thủy nội địa quốc gia kênh Vĩnh Tế;

Cục Đường thủy nội địa Việt Nam công bố thông báo luồng định kỳ tuyến đường thủy nội địa quốc gia kênh Vĩnh Tế - năm 2019, như sau:

#### I. Tình hình mực nước

| TT | Trạm     | H <sub>max</sub> (m) | H <sub>min</sub> (m) | Hdo-ngày                 | Vị trí Trạm  |
|----|----------|----------------------|----------------------|--------------------------|--|
| 1  | Tân Châu | +1,51                | -0,01                | 07/12/2019<br>08/12/2019 | Km 237+600 bờ phải sông Tiền, phường Long Châu, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang |

#### II. Tình hình luồng

| STT | Sông      | Vật chướng ngại, cầu, đường dây điện... | Lý trình Km | Các đặc trưng luồng              |                                  |                    |                          |
|-----|-----------|---|-------------|----------------------------------|----------------------------------|--------------------|--------------------------|
|     |           |   |             | Độ sâu nhỏ nhất h <sub>min</sub> | Độ sâu lớn nhất h <sub>max</sub> | Độ sâu thực đo (h) | Chiều rộng đáy luồng (B) |
| 1   | K Vĩnh Tế | Cầu Vàm Kênh                            | 01+130      | 3,97                             | 7,95                             | 5,51               | 39                       |
|     |           | Cầu Vĩnh Ngươn                          | 00+530      | 3,91                             | 7,89                             | 5,45               | 24                       |
|     |           | Cầu Vĩnh Ngươn 2                        | 01+770      | 3,97                             | 7,95                             | 5,51               | 29                       |

#### III. Bãi cạn

| STT | Sông         | Tên bãi cạn trọng điểm Lý trình    | Độ sâu h (m) | Mực nước (m) | Cao độ z (m) | Chiều rộng B (m) | Chiều dài L (m) | Ngày đo |
|-----|--------------|------------------------------------|--------------|--------------|--------------|------------------|-----------------|---------|
| 1   | Kênh Vĩnh Tế | Luồng hẹp từ km 0+000 ÷ 0+700      | 5,51         | +1,51        | -4,00        | 20               | 700             | 7/12    |
|     |              | Luồng cạn, hẹp từ km 0+700 ÷ 2+900 | 4,51         | +1,51        | -3,00        | 25               | 2.200           | 7/12    |
|     |              | - 2+900 ÷ 8+200                    | 4,51         | +1,51        | -3,00        | 30               | 5.300           | 7/12    |
|     |              | - 8+200 ÷ 8+600                    | 4,51         | +1,51        | -3,00        | 25               | 400             | 7/12    |

#### IV. Một số điều lưu ý khi đi trên tuyến

Tại km 0+120 kênh Vĩnh Tế có đường dây điện vượt trên không.

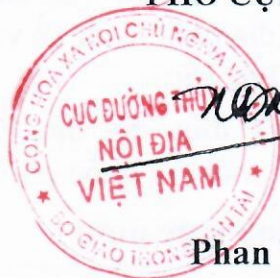
Cục Đường thủy nội địa Việt Nam công bố Thông báo định kỳ luồng chạy tàu trên tuyến kênh Vĩnh Tế - năm 2019 để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia giao thông đường thủy nội địa được biết.

Các chủ phương tiện thủy lưu thông trên tuyến đi đúng phạm vi luồng; cần chủ động tìm hiểu điều kiện thực tế của luồng và chỉ dẫn của báo hiệu trên tuyến để quyết định điều khiển phương tiện qua lại an toàn./.

##### **Nơi nhận:**

- Cục trưởng (để b/c);
- Chi cục ĐTNĐ Nam;
- Các CV ĐTNĐ 3, 4;
- Website Cục ĐTNĐ Việt Nam;
- Lưu: VT, QLKCHT.

**KT. CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



**Phan Văn Duy**